

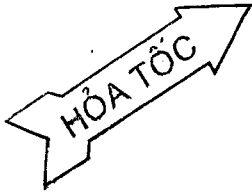
TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **448** /BC-CP

Hà Nội, ngày **09** tháng 10 năm 2018



BÁO CÁO

Việc thực hiện nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XIV

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Các vị Đại biểu Quốc hội.

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S.
	Ngày: . 10 / 10 / 2018 .

Thực hiện Kế hoạch số 285/KH-UBTVQH14 ngày 23/3/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch triển khai nội dung giám sát của Quốc hội về xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá XIV, Chính phủ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV đối với lĩnh vực tài nguyên và môi trường như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

Ngày 23/11/2016, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XIV, trong đó, Quốc hội giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong các lĩnh vực được chất vấn tại kỳ họp. Theo đó, Quốc hội giao Chính phủ rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật bảo vệ môi trường, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; rà soát hoạt động đánh giá tác động môi trường; kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường, xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hoạt động gây ô nhiễm môi trường; giám sát chặt chẽ việc khắc phục hậu quả tại dự án Formosa Hà Tĩnh; xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về khí tượng thủy văn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biến đổi khí hậu; triển khai kế hoạch châu thổ đồng bằng sông Cửu Long, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu; chấn chỉnh cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, hạn chế hoạt động khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ và ngăn chặn triệt để khai thác khoáng sản trái pháp luật; kiểm tra việc

phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khoáng sản, khu vực khoáng sản; vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu các khu vực đã cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; quản lý hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, nhất là cát, sỏi lòng sông.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương triển khai thực hiện, theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 62/QĐ-BTNMT ngày 16/01/2017 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14; đồng thời, chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại các kỳ họp của Quốc hội khóa XIV. Đến nay, cơ bản các vấn đề, nhiệm vụ mà Quốc hội giao đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện và đạt nhiều kết quả. Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn và khoáng sản đã được rà soát, đang từng bước hoàn thiện, nhiều quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đã được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn. Thường xuyên tổ chức giám sát việc khắc phục hậu quả của dự án Formosa Hà Tĩnh; tình hình thu gom, xử lý chất thải được cải thiện; công tác khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường tiếp tục được quan tâm triển khai; công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tiếp tục được quan tâm; nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực; công tác cấp phép hoạt động khoáng sản ngày càng chặt chẽ, tuân thủ Chiến lược và quy hoạch khoáng sản đã phê duyệt; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường, hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông qua đó phát hiện, xử lý nghiêm nhiều trường hợp vi phạm; nhiều địa phương đã quan tâm, ban hành kế hoạch hoặc phương án bảo vệ khoáng sản, trong đó quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã; riêng đối với khoáng sản cát, sỏi lòng sông, nhiều địa phương đã triển khai biện pháp như quản lý chặt chẽ bến bãi, nghiêm cấm việc mua bán cát, sỏi không có nguồn gốc hợp pháp...; công tác dự báo, cảnh báo thiên tai có nhiều cải tiến, độ tin cậy trong các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai ngày càng được nâng cao hơn; triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, thoả thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường vẫn còn một số hạn chế nhất định, một số nhiệm vụ, mặc dù đã có những chuyển biến rõ nét nhưng chưa thể giải quyết triệt để như các dự án tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường vẫn còn xu hướng đầu tư vào Việt Nam; vấn đề ô nhiễm môi trường; bảo vệ môi trường làng nghề; vấn đề khai thác cát, sỏi lòng sông... vì đây là những vấn đề lâu dài, cần thời gian, nguồn nhân lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị và người dân để giải quyết triệt để.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33/2016/QH14 CỦA QUỐC HỘI

1. Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Kết quả đạt được

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, sửa đổi

Luật bảo vệ môi trường nhằm tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc giữa Luật bảo vệ môi trường và một số luật khác có liên quan, theo đó, Chính phủ đã trình Quốc hội hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Tuy nhiên, Quốc hội chưa đồng ý với đề xuất này của Chính phủ¹. Một số nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung gồm: sửa đổi các quy định về báo cáo đánh giá tác động môi trường; đơn giản hoá, liên thông các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường; sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý chất thải và công nghệ xử lý chất thải; bổ sung quy định về sàng lọc, tăng cường kiểm soát đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao... Hiện nay, Chính phủ tiếp tục giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự án luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường, trình Chính phủ trong năm 2019.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2014: Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, xây dựng trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường năm 2014 nhằm khắc phục những bất cập, nhất là các quy định về các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, biện pháp kỹ thuật kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải; đồng thời đơn giản hoá về điều kiện và cách thức thực hiện, bãi bỏ các thủ tục hành chính không thực sự cần thiết cho công tác quản lý môi trường; lồng ghép việc thẩm định các thủ tục hành chính liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Dự thảo Nghị định đã trình² Chính phủ để xem xét, ban hành, theo đó, dự kiến sửa đổi 04 Nghị định³ hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Các vấn đề dự kiến sửa đổi, bổ sung gồm: Sửa đổi các quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường sơ bộ nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch và pháp luật liên quan; sửa đổi các quy định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM) liên quan đến đối tượng thực hiện, nội dung báo cáo, thời điểm chủ dự án trình thẩm định báo cáo ĐTM; sửa đổi quy định về vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả vận hành, kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; về ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; quy định về xác nhận hệ thống quản lý môi trường; thay thế các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất bằng các quy định về quản lý chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, không khí, đất; sửa đổi các quy định về quản lý chất thải rắn; quản lý nước thải; quản lý khí thải; quan trắc môi trường định kỳ; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhập khẩu phế liệu... và cắt giảm,

¹ Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018;

² Tờ trình số 48/TTr-BTNMT ngày 9/7/2018; Tờ trình số 61/TTr-BTNMT ngày 30/8/2018 và Tờ trình số 70/TTr-BTNMT ngày 25/9/2018;

³ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

đơn giản hóa một số thủ tục hành chính, theo đó, đề xuất sửa đổi 17 thủ tục hành chính, bãi bỏ 24 thủ tục hành chính cấp trung ương và địa phương, như: thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, đơn giản; Phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Xác nhận hoàn thành biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường của cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân nhận ủy thác nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân. Dự thảo đã đề xuất lồng ghép một số thủ tục hành chính, như (1) kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng; (2) lồng ghép các thủ tục: xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; kiểm tra, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trong thủ tục kiểm tra, cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại (đối với dự án, cơ sở xử lý chất thải nguy hại có công đoạn sản xuất, tái chế, tái sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất),... Đồng thời, tiếp tục đề xuất cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chất thải nguy hại; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành về nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất,...

- Rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Trong năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát 21 QCVN và xác định ưu tiên sửa đổi 08 QCVN gồm: (1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung QCVN 31:2010/BTNMT); (2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhựa nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung QCVN 32:2010/BTNMT); (3) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung QCVN 33:2010/BTNMT); (4) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (xây dựng mới); (5) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (sửa đổi, bổ sung QCVN 62-MT:2016/BTNMT); (6) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép (sửa đổi, bổ sung QCVN 51:2013/BTNMT); (7) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sản xuất thép (sửa đổi, bổ sung QCVN 52:2013/BTNMT); (8) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (sửa đổi, bổ sung QCVN 43:2012/BTNMT). Đến nay, Bộ đã ban hành 06 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, bao gồm:

+ Thông tư số 08/2018/TT-BTNMT ngày 14/9/2018 ban hành 03 QCVN (thay thế các QCVN cũ ban hành theo Thông tư 43/2010/TT-BTNMT ngày 29/12/2010): (1) QCVN 31:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; (2) QCVN 32:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu

nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; (3) QCVN 33:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

+ Thông tư số 09/2018/TT-BTNMT ngày 14/9/2018 ban hành 03 QCVN mới: (1) QCVN 65:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu thủy tinh nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; (2) QCVN 66:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu kim loại màu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; (3) QCVN 67:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu xỉ hạt lò cao (xỉ hạt nhỏ, xỉ cát từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép) nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới, bảo đảm áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về môi trường địa phương bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên và yêu cầu quản lý, bảo vệ môi trường của từng địa phương, từng khu vực; hướng dẫn các địa phương xây dựng quy chuẩn riêng trên cơ sở quy hoạch, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận, chất lượng môi trường nền của địa phương. Trên cơ sở đó nhiều địa phương đã xây dựng kế hoạch xây dựng quy chuẩn của địa phương.

- Hướng dẫn về đánh giá và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường

Thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015 của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường, trong đó, đã quy định về thu thập dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường, tính toán thiệt hại đối với môi trường và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra; đồng thời giao Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, xây dựng, hướng dẫn cụ thể về bồi thường thiệt hại đối với môi trường, tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Thông tư hướng dẫn, một số nội dung có chứa thủ tục hành chính. Do đó, để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong thời gian tới, Chính phủ sẽ nghiên cứu, đưa các nội dung nêu trên vào dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) sau khi Luật được ban hành.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí về môi trường, công cụ kinh tế về kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường: Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, xây dựng hệ thống tiêu chí về môi trường làm cơ sở lựa chọn loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư, xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư. Đến nay, các tiêu chí về môi trường đang được nghiên cứu để áp dụng kiểm soát đối với cơ

sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, trong đó lồng ghép bộ tiêu chí về môi trường làm cơ sở lựa chọn, sàng lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút đầu tư, xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư, đảm bảo không thu hút công nghệ sản xuất lạc hậu vào Việt Nam. Các tiêu chí này sẽ tiếp tục được hoàn thiện trên cơ sở đề án kiểm soát ô nhiễm đặc biệt đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cao. Ngày 02/5/2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình⁴ Thủ tướng Chính phủ để xem xét, ban hành Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Đối với việc xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế về việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất, hoàn thiện chính sách áp dụng các công cụ kinh tế để kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường như: Thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ môi trường, nhãn sinh thái....Cụ thể như sau:

Đối với thuế bảo vệ môi trường: Thuế Bảo vệ môi trường được áp dụng chính thức từ 01/01/2012 với kết quả thu thuế liên tục tăng qua các năm⁵ đã góp phần vào ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có chi giải quyết các vấn đề môi trường, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho Nhà nước trong việc quản lý và bảo vệ môi trường; đồng thời tăng cường ý thức, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên để kịp thời sửa đổi, bổ sung những hạn chế của Luật Thuế bảo vệ môi trường, nâng cao hơn nữa trách nhiệm và nhận thức của tổ chức, cá nhân đối với môi trường; khuyến khích sản xuất, sử dụng hàng hóa thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển bền vững, trong năm 2017, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường năm 2010 để xem xét, cho ý kiến. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép lùi thời hạn trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế bảo vệ môi trường sang Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019 của Quốc hội; đồng thời giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê duyệt Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường đối với các đối tượng chịu thuế hiện hành⁶.

Đối với phí bảo vệ môi trường: Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Đối với công cụ ký quỹ: Đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện ký quỹ về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản⁷; triển

⁴ Tờ trình số 34/TTr-BTNMT ngày 02/5/2018.

⁵Theo Bộ Tài chính, tổng số thu thuế bảo vệ môi trường năm 2012 là khoảng 11.160 tỷ đồng, năm 2015 là khoảng 27.020 tỷ đồng, năm 2016 là khoảng 44.323 tỷ đồng và năm 2017 là khoảng 44.825 tỷ đồng; Số thu từ thuế bảo vệ môi trường chiếm tỷ trọng khoảng 1,36%- 4,27% tổng thu NSNN và chiếm tỷ trọng khoảng 0,34%- 0,98% trên GDP hàng năm.

⁶Tại phiên họp sáng 12/7/2018, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định chưa biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết về Biểu thuế bảo vệ môi trường.

⁷Theo Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi

khai thực hiện ký quỹ khi nhập khẩu phế liệu nhằm góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế việc nhập khẩu chất thải trái phép⁸; thực hiện việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường⁹.

Ngoài ra, hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang phối hợp tổ chức đề xuất, triển khai việc áp dụng một số công cụ kinh tế khác nhằm kiểm soát, xử lý ô nhiễm theo các nguyên tắc thị trường như: quota phát thải, nhãn sinh thái, các tín chỉ cacbon, các chính sách kinh tế khuyến khích doanh nghiệp triển khai áp dụng các loại hình công nghệ xanh, công nghệ thân thiện môi trường, mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững... để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

b) Tồn tại, hạn chế

Thực tiễn triển khai thực hiện công tác quản lý môi trường thời gian qua cho thấy quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cơ bản phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững nên đã phát huy được những tác động tích cực. Tuy nhiên, cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- Các loại thuế, phí về môi trường mới chỉ bước đầu tạo nguồn thu cho ngân sách mà chưa phát huy được vai trò công cụ kinh tế điều tiết vĩ mô, hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng trưởng xanh. Các thủ tục hành chính về môi trường chưa có sự liên thông, tích hợp, một số thủ tục hành chính trùng lặp về mục tiêu, nội dung, thẩm quyền nhưng đang được quy định trong một luật hay bởi các luật khác nhau, được thực hiện theo các quy trình, thủ tục khác nhau.

- Một số vấn đề mới phát sinh về bảo vệ môi trường chưa được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các quy định bảo vệ môi trường được quy định ở nhiều luật khác nhau, song giữa các luật này còn một số điểm còn có sự giao thoa, chưa thống nhất, còn một số khoảng trống chưa được quy định.

- Phân công, phân cấp thẩm quyền trong quản lý chất thải vẫn còn chồng chéo và chưa hợp lý, chưa đi đôi với tăng cường năng lực, phân định rõ trách nhiệm.

c) Giải pháp

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế nêu trên, trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền và chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ sau:

trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản. Từ năm 2010 đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định hơn 110 dự án, đề án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản; tiếp nhận và thẩm định gần 300 phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung với tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trên 3.000 tỷ đồng.

⁸Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Chính phủ quy định danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; Thông tư số 41/2015/TT-BTNMT ngày 09/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

⁹Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường.

- Nghiên cứu, trình Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan đến bảo vệ môi trường để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo với các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường.

- Xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường theo hướng chủ động, trọng tâm, trọng điểm dựa trên việc phân nhóm, phân loại theo mức độ rủi ro, tính đặc thù của các vấn đề môi trường; kết hợp quản lý quá trình với quản lý “cuối đường ống” theo từng nhóm đối tượng, loại hình tác động và mức độ rủi ro về môi trường. Tích hợp các loại giấy phép môi trường để bảo đảm tính hiệu quả, giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường, thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về môi trường bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; hướng dẫn địa phương xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương, từng khu vực.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, công cụ kinh tế về việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường theo nguyên tắc thị trường như các quỹ bảo hiểm, quota phát thải, nhãn sinh thái và các tín chỉ cacbon.

2. Về kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường

a) Kết quả đạt được

Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

- Tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường 06 khu kinh tế ven biển phục vụ cho việc xây dựng hướng dẫn quy hoạch các công trình bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế ven biển¹⁰; kiểm tra 08 khu công nghiệp để đánh giá việc đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường khi tiến hành điều chỉnh quy mô, quy hoạch, hoạt động trong khu công nghiệp; triển khai nghiên cứu, xây dựng cơ chế, tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường cho các cụm công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm nghiêm trọng cần tập trung kiểm soát.

- Triển khai thực hiện dự án “Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải” theo Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 26/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁰ Bao gồm: Khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa); Khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh); Khu kinh tế mở Chu Lai (Quảng Nam); Khu kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi) và Khu kinh tế Nam Phú Yên (Phú Yên).

- Tổ chức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng, ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTNMT ngày 10/10/2017 về việc tăng cường tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng; thiết lập đường dây nóng cấp Trung ương thường trực 24/7 theo số điện thoại 086.900.0660 và địa chỉ thư điện tử duongdaynong@vea.gov.vn. Tính đến tháng 9 năm 2018, đã tiếp nhận được tổng số 870 thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường, đã chuyển địa phương để xử lý theo thẩm quyền; đồng thời thường xuyên đôn đốc việc xử lý các phản ánh kiến nghị; theo đó, đến nay đã có 396 vụ việc đã được xử lý, còn lại 474 vụ việc hiện đang được các địa phương xử lý.

- Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về lập Kế hoạch quản lý chất lượng không khí cho các địa phương để có cơ sở thực hiện nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 985a/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, đã có văn bản số 5183/BTNMT-TCMT ngày 02/10/2017 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai, đôn đốc công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục vụ việc, sự cố môi trường, trong đó hướng dẫn tạm thời việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục vụ việc, sự cố môi trường do xả chất thải (không bao gồm sự cố hóa chất, sự cố tràn dầu,...) liên quan đến địa bàn từng tỉnh, thành phố; xây dựng hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý, ứng phó, giải quyết các vụ việc, sự cố môi trường khi xảy ra trên địa bàn; triển khai xây dựng hướng dẫn xử lý số liệu quan trắc online tự động.

- Việc triển khai thực hiện Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng" và Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 đã có nhiều chuyển biến tích cực: Tính đến nay, đã có 404/439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, đạt tỷ lệ 92% (tăng 04 cơ sở so với năm 2017), 230/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg cơ bản hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để (tăng 21 cơ sở so với năm 2017), không còn gây ô nhiễm môi trường, đạt tỷ lệ 52,9%. Đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành cơ chế hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước để xử lý triệt để các

cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích nhằm dành nguồn lực để ưu tiên xử lý ô nhiễm, qua đó thúc đẩy tiến độ xử lý đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích¹¹.

Các địa phương cũng đã quan tâm chỉ đạo, xây dựng kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn; tỷ lệ các cơ sở hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm triệt để đã có nhiều chuyển biến tích cực; các cơ sở đã có ý thức trong việc triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã chủ động thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm trong thời gian thực hiện xử lý ô nhiễm triệt để, qua đó đã góp phần giảm thiểu tác động của ô nhiễm tới cộng đồng.

Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020, thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp, xây dựng và đề xuất 30 bãi rác và 70 điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật đặc biệt nghiêm trọng cần ưu tiên xử lý trong giai đoạn 2016 - 2020 trong danh mục các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích giai đoạn 2016 - 2020. Hiện nay, Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 03/7/2018.

- Đối với hoạt động kiểm tra, thanh tra các nguồn phát thải gây ô nhiễm sông, suối, hồ, biển của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các khu vực công nghiệp, khu kinh tế, trong năm 2017, các Bộ, ngành và địa phương đã thực hiện 701 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 2.565 tổ chức, cá nhân; tập trung vào các cơ sở có nguồn thải lớn từ 200 m³/ngày đêm trở lên. Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy 33% số đối tượng được thanh tra, kiểm tra có vi phạm (giảm 22% so với năm 2016); các vi phạm chủ yếu tập trung vào các nội dung: không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được xác nhận (chiếm 40%); không có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường (chiếm 21%); vi phạm về quản lý chất thải nguy hại (chiếm 14%); xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải (chiếm 13%). Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính gần 700 tổ chức, cá nhân với số tiền là 82.080.000.000 đồng, truy thu 239.000.000 đồng.

Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong năm 2017 đã thanh tra công tác bảo vệ môi trường đối với 439 cơ sở trên địa bàn 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là trên 17.000.000.000

¹¹ Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng công ích, Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg; Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình mục tiêu hỗ trợ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích giai đoạn 2016 - 2020.

đồng; triển khai 03 cuộc kiểm tra đột xuất đối với 05 cơ sở, trong đó 01 cuộc kiểm tra 03 cơ sở đang xử lý chất thải rắn sinh hoạt và nước rỉ rác tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Sơn¹²; 01 cuộc kiểm tra đột xuất Công ty TNHH Dệt Pacific Crystal (Khu công nghiệp Lai Vu, xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương); 01 cuộc kiểm tra Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh (thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An); ban hành 04 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền trên 2.000.000.000 đồng. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm soát các dự án, nguồn thải lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường; tích cực, chủ động, khẩn trương phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và địa phương thực hiện các hoạt động kiểm tra, khắc phục, xử lý kịp thời các điểm nóng về môi trường, tạo được sự đồng thuận và ủng hộ của cộng đồng, dư luận. Tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra, xử lý được hơn 20 vụ việc, điểm nóng về môi trường. Ngoài ra, chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở tiềm ẩn các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; đã thành lập và duy trì thường xuyên Tổ giám sát quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án Nhà máy Giấy Lee&Man Việt Nam¹³; tổ chức đoàn thanh tra, kiểm tra dự án Nhà máy bột-giấy VNT19 tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An... thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình khắc phục các lỗi vi phạm và việc cho phép Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh.

Trong 09 tháng đầu năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra, xử lý 10 vụ việc về ô nhiễm, sự cố môi trường và đa dạng sinh học¹⁴; đã tiến hành 02 đoàn thanh tra đột xuất đối với 05 cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm: Công ty Cổ phần Thịnh An (Cơ sở giết mổ gia súc tập trung) trên địa bàn thôn 3, xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội và 04 cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Tổ chức Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu tại các cảng biển của thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể, đã làm việc với các cơ quan, ban ngành Hải Quan và Cảng vụ Hàng hải liên quan đến việc tồn đọng hàng nghìn container phế liệu tại các cảng biển trên địa bàn 02 tỉnh/thành phố nêu trên. Tổ chức Đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở có hoạt động xả thải ra kênh Bắc Hưng Hải trên địa bàn các tỉnh: Bắc Ninh, Hải Dương và Hưng Yên. Đoàn Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.

¹² Bao gồm: Công ty TNHH MTV Môi trường và đô thị Tp. Hà Nội - Chi nhánh Nam Sơn, Công ty Cổ phần khoáng sản Minh Đức, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền;

¹³ Quyết định thành lập Tổ giám sát số 369/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2017;

¹⁴ Bao gồm: vụ việc cá chết bất thường trên một số sông như sông La Ngà (Đồng Nai) vào trung tuần tháng 5/2018; vụ việc cá chết trên sông Bông Miêu (Quảng Nam) vào trung tuần tháng 3/2018; tình trạng xả nước thải gây ô nhiễm môi trường kênh Bắc Hưng Hải; tình trạng ô nhiễm môi trường tại Nhà máy giấy Lee&Man Việt Nam vào tháng 3/2018; vụ việc cá chết nhiều tại hồ Tây ngày 08/7/2018; ô nhiễm môi trường tại Bãi rác Phượng Thành, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh ngày 21/7/2018; vỡ đập chứa Gyps thải của Công ty Cổ phần DAP Lào Cai ngày 7/9/2018; Ô nhiễm môi trường do tháo trộm nước rỉ rác ra suối tại Quảng Ninh; Sự cố dò rỉ dầu tại Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn; hiện trạng sụt lún gần hồ bùn đỏ, sự cố tràn bùn từ hồ lắng quặng đuôi của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong những năm qua, triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều giải pháp nhằm kiểm soát chặt chẽ, giảm tình trạng ô nhiễm môi trường trên phạm vi cả nước, đặc biệt đã xử lý được nhiều vụ việc trọng điểm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhận được sự đồng tình cao của cử tri cả nước. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, ô nhiễm môi trường không khí tại các đô thị ngày càng gia tăng; vẫn còn tồn tại tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường tại các doanh nghiệp; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đã được chú trọng, quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là tại các địa phương. Các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường diễn biến phức tạp, tinh vi, đặc biệt là các vi phạm về xả thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Những tồn tại nêu trên do các nguyên nhân sau:

- Quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, phương tiện giao thông vận tải gia tăng mạnh trong khi cơ sở hạ tầng, nguồn lực cho bảo vệ môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dẫn đến phát sinh nhiều vấn đề môi trường mới, phức tạp, thách thức lớn đối với công tác quản lý nhà nước về môi trường; biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường.

- Chưa có biện pháp xử lý tốt chất thải rắn công nghiệp thông thường dẫn đến tồn dư một lượng lớn chất thải rắn công nghiệp thông thường trong các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là trong các dự án nhiệt điện than, sản xuất hóa chất, chế biến khoáng sản; thiếu các khu xử lý chất thải rắn công nghiệp, đặc biệt là khu xử lý chất thải tập trung quy mô lớn. Ngoài ra, có một số cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài cụm công nghiệp, khu công nghiệp hợp đồng với các tổ chức, cá nhân không có chức năng thu gom, vận chuyển, dẫn đến việc đổ chất thải không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

- Khó quản lý đối với các chủ nguồn thải chất thải nguy hại ở vùng sâu, vùng xa và các chủ nguồn thải có khối lượng phát sinh nhỏ hoặc chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình; công nghệ xử lý chất thải nguy hại dựa chủ yếu vào công nghệ đốt thiêu hủy chất thải; cơ sở xử lý chất thải nguy hại nhìn chung còn ở quy mô vừa và nhỏ; chưa thực hiện được việc xây dựng cơ sở xử lý công suất lớn ở quy mô vùng hoặc quốc gia. Một số chất thải nguy hại đặc thù (ví dụ như PCB) đang được lưu giữ tại nơi phát sinh.

- Năng lực quản lý về môi trường ở các cấp chưa đáp ứng được yêu cầu; thẩm quyền, trách nhiệm quản lý môi trường còn phân tán; năng lực điều phối thống nhất quản lý nhà nước về môi trường còn bất cập, chưa hiệu quả. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường còn thiếu hụt lớn, chưa đáp ứng yêu cầu, không theo kịp mức gia tăng về quy mô và diễn biến ngày càng phức tạp của các vấn đề môi trường, nhất là ở cấp huyện, xã. Vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường còn rất hạn chế, mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ so với nhu cầu, trong khi đó lại đang thiếu những cơ chế khả thi để huy động nguồn vốn, nhất là cơ chế thu trực tiếp bù chi để thu hút khối tư nhân tham gia đầu tư bảo vệ môi trường.

- Vấn đề chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường hiện chưa được các doanh nghiệp nghiêm túc thực thi. Các doanh nghiệp tìm cách trốn tránh nghĩa vụ đầu tư hệ thống xử lý chất thải, chi phí vận hành xử lý nên che đậy bằng các phương thức tinh vi (xả lén, xả về đêm hoặc trời mưa...) khó kiểm soát.

c) Giải pháp

Trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai một số giải pháp sau:

- Đẩy mạnh hơn nữa phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm mới, đồng thời giảm các nguồn thải đang gây ô nhiễm; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, có chính sách ưu đãi các nhà máy, các khu công nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến xử lý chất thải, tuần hoàn chất thải, giảm phát thải.

- Rà soát và đánh giá toàn diện các dự án đầu tư đã được cấp phép xả thải, và theo dõi thực hiện các báo cáo đánh giá tác động môi trường giai đoạn hậu kiểm khi dự án đi vào vận hành, kịp thời phát hiện các sai sót của quá trình thẩm định đánh giá tác động môi trường, quá trình cấp phép xả thải và công tác phòng ngừa nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư và công nghệ xử lý môi trường, đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho việc quản lý, xử lý chất thải đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường. Tăng cường đầu tư hợp tác quốc tế và trong khu vực để nâng cao năng lực trong việc lựa chọn, chuyển giao công nghệ xử lý môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Tổng hợp, rà soát thông tin về xả thải của các cơ sở nhằm phân loại các dự án, nguồn thải theo mức độ tác động, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả, tiến tới kiểm toán chất thải; hoàn thiện hệ thống quan trắc, quan trắc tự động tại cơ sở và môi trường xung quanh; tăng cường các giải pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây sự cố môi trường cao; tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân trong công tác bảo vệ môi trường; duy trì và phát triển đường dây nóng tiếp nhận thông tin về ô nhiễm môi trường từ Trung ương đến địa phương.

- Nghiên cứu thay đổi quy định để hoạt động thanh tra môi trường được chủ động, linh hoạt hơn trong hoạt động; bổ sung giao chức năng thanh tra chuyên ngành cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường để tăng cường trách nhiệm, thẩm quyền cho cơ quan quản lý môi trường ở địa phương.

- Nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương nhằm giám sát chặt chẽ nguồn xả thải ra môi trường; xây dựng hệ thống kiểm soát trung gian, trong đó người dân có thể tham gia cùng giám sát việc xả thải, thông qua nhận biết dấu hiệu môi trường ô nhiễm và phản ánh kịp thời các vụ việc; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nguồn thải trên toàn quốc phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

- Tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, hoàn chỉnh chế tài xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo hướng nâng cao mức xử phạt, đẽ răn đe, ngăn chặn, hạn chế các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường, trong đó có cả việc xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức làm công tác bảo vệ môi trường có vi phạm, thiếu trách nhiệm. Đồng thời, tăng cường vai trò của người dân trong việc bảo vệ môi trường như có cơ chế khen thưởng, tuyên dương đối với các cá nhân phát hiện, phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giữ bí mật danh tính người phát hiện, phản ánh...

3. Về kiểm soát hoạt động xả thải của các doanh nghiệp tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp và bảo vệ môi trường làng nghề

a) Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, trong đó đã quy định cụ thể nhiều nội dung liên quan tới công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời đã tăng cường thực hiện thanh tra, kiểm tra nhiều cơ sở sản xuất trên địa bàn cả nước, trong đó có các khu công nghiệp; tổ chức kiểm tra, đôn đốc các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về môi trường; yêu cầu, đôn đốc các khu công nghiệp thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương. Hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp trên cả nước dần được hoàn thiện. Cuối năm 2015, cả nước có 212/283 khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó chỉ có 82 khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục. Đến nay, cả nước đã có 228/283 khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung (năm 2016: có thêm 04 khu công nghiệp; năm 2017 có thêm 07 khu công nghiệp, năm 2018 có thêm 05 khu công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung), đạt 91% chỉ tiêu của năm 2018¹⁵; 12 khu công nghiệp đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 4%), các khu công nghiệp còn lại đang xây dựng lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp xử lý khoảng 71% lượng nước thải phát sinh. Trong số này, đã có 121 khu công nghiệp đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục (năm 2016: có thêm 22 khu công nghiệp; năm 2017 có thêm 17 khu công nghiệp) đạt tỷ lệ trên 42%¹⁶. Cả nước hiện có 587/1143 cụm công nghiệp được quy hoạch đã đi vào hoạt động, trong đó có 55 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 9,7%) (tăng 04 cụm công nghiệp so với năm 2017).

Đối với việc bảo vệ môi trường làng nghề, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ

¹⁵ Chỉ tiêu cả năm 2018 là 88% ;

¹⁶ Theo thống kê, một số địa phương có sự phát triển công nghiệp mạnh, tương ứng là lượng nước thải công nghiệp phát sinh lớn như Tp. Hồ Chí Minh 144.390 m³/ngày đêm, Bình Dương 136.700 m³/ngày đêm, Hà Nội 75.000 m³/ngày đêm, Bắc Ninh 65.000 m³/ngày đêm. Đi kèm với đó là sự gia tăng lượng nước thải gây ra áp lực lớn đối với các nguồn tiếp nhận. Vùng Đông Nam Bộ, với toàn bộ các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nơi tập trung các khu công nghiệp lớn được đánh giá là vùng có lượng phát sinh nước thải công nghiệp lớn nhất cả nước, chiếm khoảng 50% lượng nước thải của các khu công nghiệp trong toàn quốc.

tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung vào hoàn thiện hành lang pháp lý theo hướng siết chặt quản lý về môi trường đối với các làng nghề mới hình thành, làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, trong đó quy định chung về bảo vệ môi trường làng nghề, trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất tại làng nghề, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề. Chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong đó, quy định cụ thể các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường, biện pháp quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, theo đó, xác định di dời, mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề vào cụm công nghiệp (cụm công nghiệp làng nghề) nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, phát triển nghề, làng nghề ở địa phương, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với cụm công nghiệp làng nghề và Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn, theo đó, một trong các tiêu chí bắt buộc để công nhận làng nghề là phải đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về môi trường làng nghề trong cả nước trong cả nước để kịp thời theo dõi, tổng hợp các thông tin có liên quan. Hiện nay, trên phạm vi cả nước có khoảng 5.400 làng nghề và làng có nghề, trong đó có khoảng 1.839 làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận. Các làng nghề được phân thành 8 nhóm khác nhau, cụ thể: (1) Loại hình thủ công mỹ nghệ chiếm 37%; (2) chế biến lương thực, thực phẩm chiếm 24%; (3) dệt, nhuộm, thuộc da chiếm 5%; (4) gia công cơ khí chiếm 4%; (5) sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 3%; (6) chăn nuôi, giết mổ gia súc chiếm 1%; (7) tái chế chất thải chiếm 1%; (8) còn lại là các loại hình khác chiếm 25%. Tuy nhiên, sự phân bố và phát triển các làng nghề lại không đồng đều trong cả nước. Các làng nghề ở miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn trên số lượng các làng nghề trong cả nước (chiếm khoảng 60%) và tập trung nhiều nhất ở vùng đồng bằng sông Hồng; miền Trung (chiếm khoảng 23,6%), miền Nam (chiếm khoảng 14,6%). Hiện nay, đã xác định được danh mục 160 làng nghề có nguy cơ ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần theo dõi, giám sát chặt chẽ (trong đó có 91 làng nghề thuộc danh sách “nâu” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và 69 làng nghề thuộc danh sách “vàng” - làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường). Đối với 91 làng nghề thuộc danh sách “nâu” được phân loại theo loại hình và vùng miền.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đã thực hiện lồng ghép công tác bảo vệ môi trường làng nghề, xây dựng thành tiêu chí để xem xét, công nhận nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (tại các Quyết định số Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu nông thôn mới, Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020).

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015, ngân sách Trung ương đã hỗ trợ triển khai 11/47 tiểu dự án làng nghề tại 09 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với tổng kinh phí là 245 tỷ đồng bao gồm: Bắc Giang (01 tiểu dự án), Bắc Ninh (01 tiểu dự án), Hà Nam (01 tiểu dự án), Thái Bình (01 tiểu dự án), Ninh Bình (01 tiểu dự án), Thừa Thiên Huế (02 tiểu dự án), Hải Phòng (02 tiểu dự án), Nam Định (01 tiểu dự án) và Bến Tre (01 tiểu dự án). Tuy nhiên, đến nay, chỉ có 02 tiểu dự án của tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản hoàn thành, 02 tiểu dự án ở Bến Tre và Bắc Ninh đã cơ bản hoàn thành song gặp khó khăn trong việc huy động kinh phí để vận hành và sử dụng, 07 tiểu dự án còn lại hiện chưa được bố trí đủ kinh phí để thực hiện dẫn đến hiệu quả còn hạn chế, lãng phí ngân sách đã được đầu tư và tiếp tục gây ô nhiễm môi trường các khu vực xung quanh. Trong số 36 làng nghề còn lại, có 18 làng nghề được lập dự án và huy động kinh phí từ các nguồn khác nhau để thực hiện, tuy nhiên vẫn chưa được bố trí kinh phí để thực hiện.

- Triển khai Đề án thí điểm hoàn thiện và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn, biên giới, hải đảo theo hướng xã hội hóa, giai đoạn 2017 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017.

- Theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 chính thức bao gồm hai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Do đó, các mục tiêu khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề (tại Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015) sẽ được lồng ghép vào trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án, nhiệm vụ có liên quan.

- Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Kế hoạch giám sát chất lượng môi trường làng nghề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kế hoạch được xây dựng với mục tiêu theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại các làng nghề nằm trong danh mục làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi

trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời, cập nhật, điều chỉnh danh sách các làng nghề ô nhiễm trên phạm vi toàn quốc, đánh giá hiệu quả của các giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề đã và đang được thực hiện tại các địa phương; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra cũng như giám sát mức độ tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ sản xuất trong làng nghề. Trên cơ sở đó, các cơ quan quản lý sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất tại làng nghề, kịp thời phát hiện ô nhiễm và nhanh chóng có phương án kiểm soát, xử lý phù hợp.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bảo vệ môi trường làng nghề còn một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân sau:

- Một số khu công nghiệp lập dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng chưa hiệu quả: Chủ đầu tư không tính đến tiến độ thu hút đầu tư hoặc tỷ lệ lấp đầy nên xảy ra tình trạng nhiều khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng lượng nước thải thu gom quá ít, không đủ để vận hành thường xuyên. Việc thu hút đầu tư ở một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa đúng theo quy hoạch ngành nghề dự kiến ban đầu, dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế, xây dựng có thể không phù hợp về quy mô công suất, công nghệ xử lý nước thải. Một số khu công nghiệp tại các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn như miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung được đầu tư hoàn toàn từ ngân sách nhà nước vốn rất hạn chế, trong khi công tác xã hội hóa, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở các tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa được chú trọng.

- Công tác kiểm soát hoạt động xả thải tại các doanh nghiệp trong làng nghề gặp nhiều khó khăn. Có 104 làng nghề ô nhiễm trên phạm vi cả nước cần phải có kế hoạch xử lý triệt để cho đến năm 2020, trong đó có những địa phương mức độ ô nhiễm kim loại nặng độc hại (Cr6+) cao gấp hơn 3.000 lần quy chuẩn kỹ thuật về môi trường cho phép. Hầu hết các làng nghề đều không có hồ sơ môi trường, cũng như không có biện pháp xử lý chất thải. Khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất đều được xả trực tiếp ra môi trường. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với khu vực làng nghề rất khó thực hiện và khó áp dụng các biện pháp xử phạt (đa số các địa phương, cơ quan chức năng "né tránh" vì khó xử lý, ngại tác động đến an sinh - xã hội hoặc chỉ hướng dẫn, nhắc nhở). Kinh phí cho công tác xử lý triệt để ô nhiễm môi trường làng nghề còn hạn chế.

- Nguồn lực tài chính phân bổ hàng năm cho công tác bảo vệ môi trường nói chung còn hạn hẹp, đặc biệt là nguồn kinh phí sử dụng cho các hoạt động xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề đã hạn chế, lại chưa được sử dụng hiệu quả. Hầu hết các địa phương chỉ tập trung đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, cải tạo môi trường mà không có biện pháp ngăn chặn các nguồn xả thải, các hộ sản xuất không thực hiện đúng trách nhiệm "người gây ô nhiễm phải trả tiền", nên sau khi hoàn thành, các công trình này chủ yếu trong tình trạng "đắp chiếu" và tình hình ô nhiễm vẫn không được cải thiện.

c) Giải pháp

Trong thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, ngành và địa phương triển khai một số giải pháp sau:

- Kiên quyết yêu cầu các khu công nghiệp sẽ đi vào hoạt động phải hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động, không thu hút các cơ sở thứ cấp vào khu công nghiệp khi chưa hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về môi trường. Đối với các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường thì không cho phép thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp hoặc không thực hiện thủ tục mở rộng khu công nghiệp cho tới khi hoàn thiện. Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành kịp thời hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Đề án bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; quản lý chặt chẽ việc công nhận làng nghề đảm bảo điều kiện bảo vệ môi trường, rà soát Danh mục các làng nghề được công nhận về điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề, công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin, truyền thông; xây dựng, ban hành các văn bản, quy định thống nhất cách hiểu đúng về làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và phương thức quản lý phù hợp giữa các Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường; tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với làng nghề để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Về kiểm soát môi trường đối với các dự án đầu tư

a) Kết quả đạt được

Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt công trình biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đã được đầu tư, tập trung vào các dự án lớn có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường. Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường của 30 dự án tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường đưa vào Đề án kiểm soát đặc biệt đối với các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; Bộ Công Thương đã rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường tại 30 dự án, nhà máy có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hoặc có những tồn tại trong chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm tăng cường việc kiểm tra, giám sát và hỗ trợ khắc phục các tồn tại. Trong hai năm 2016 và 2017, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát hồ sơ bảo vệ môi trường của 157 dự án và tổ chức kiểm tra hiện trường công tác bảo vệ môi trường đối với 50 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó, riêng năm 2017, Bộ Giao thông vận tải đã rà soát hồ sơ bảo vệ môi trường của 34 dự án và tổ chức kiểm tra hiện trường công tác bảo vệ môi trường đối với 27 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Trong năm 2017, Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát công tác thực hiện lập báo cáo

đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trong Quân đội, rà soát công tác lập Đề án bảo vệ môi trường các cơ sở đang hoạt động và rà soát đối tượng phải xác nhận hệ thống quản lý môi trường. Một số địa phương có nhiều dự án lớn (Hà Nội, Hậu Giang, Bình Dương, Nghệ An) cũng đã chủ động tổ chức kiểm tra các báo cáo đánh giá tác động của các dự án, nhà máy trên địa bàn. Các địa phương khác đều đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, rà soát trong năm 2018.

Về xác định rõ trách nhiệm trong việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án gây ô nhiễm sau khi đi vào hoạt động, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh khâu thẩm định, kiểm soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng việc đánh giá tác động môi trường, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai xây dựng hướng dẫn thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng và dự kiến ban hành trong năm 2018. Đồng thời, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, sửa đổi các quy định về đánh giá tác động môi trường trong lập đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về các vấn đề:

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường; quy định cụ thể các đối tượng chịu tác động trực tiếp bởi các vấn đề môi trường của dự án; quy định cụ thể các đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường; giới hạn lại những thay đổi phải báo cáo bằng văn bản và được chấp nhận bằng văn bản của cơ quan phê duyệt đánh giá tác động môi trường và quy định thủ tục chấp thuận thay đổi.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung hình thức tham vấn các chuyên gia, các nhà khoa học chuyên ngành và môi trường, các tổ chức tư vấn độc lập; quy định về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ không có cơ quan chuyên môn về môi trường để thẩm định; quy định rõ thời hạn có giá trị của kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; nội dung thẩm định đánh giá tác động môi trường và trách nhiệm của thành viên hội đồng thẩm định; trách nhiệm của cơ quan thường trực thẩm định; quy định giá trị pháp lý của báo cáo đánh giá tác động môi trường và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề xuất lồng ghép, liên thông thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường với việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép nhận chìm ở biển; thủ tục chấp thuận điều chỉnh thay đổi quy mô, công suất của dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, mở rộng quy mô, bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án và báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, trong đó, quy định cụ thể về đối tượng, trình tự thủ tục, nội dung, kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của dự án; cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án; quy định điều kiện vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của dự án; trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình vận hành

thử nghiệm mà xả chất thải không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án; giá trị pháp lý của giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

Ngày 28/02/2018, Chính phủ đã có văn bản số 42/CP-PL gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tháo gỡ vướng mắc của quy định pháp luật về thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, theo đó xuất chủ trương không yêu cầu nhà đầu tư phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại thời điểm quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường mà chỉ cần có đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường như quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 và điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư và phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường như quy định khoản 6 Điều 34 và điểm g khoản 2 Điều 35 Luật Đầu tư công. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có Công văn số 3253/BTNMT-TCMT ngày 27/6/2017 gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, trong đó đồng ý với đề xuất của Ủy ban Kinh tế tại Văn bản số 493/UBKT14 ngày 05/6/2017 đề nghị cho phép: “Trong bước nghiên cứu khả thi chỉ đánh giá sơ bộ tác động môi trường như quy định của Luật Đầu tư công; việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện trong bước nghiên cứu khả thi”. Ngày 18/7/2018, Tổng thư ký Quốc hội đã có Thông báo số 2119/TB-TTKQH thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 25 (tháng 7/2018), theo đó về vấn đề này, Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu trước mắt đối với những vấn đề đã được quy định rõ thì thực hiện đúng. Chính phủ hướng dẫn về việc đánh giá tác động môi trường sơ bộ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Đầu tư công. Để giải quyết xung đột pháp luật trong một số luật quy định về đánh giá tác động môi trường, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã giao Chính phủ bổ sung nội dung này vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, bảo đảm sự thống nhất của 03 Luật, trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, đã chỉ đạo việc triển khai xây dựng Đề án kiểm soát đặc biệt, kèm theo Danh mục các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao để có biện pháp phòng ngừa, không cho phép hoặc ngừng triển khai dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp nếu không có biện pháp phòng ngừa ô nhiễm ứng phó với sự cố môi trường hiệu quả, làm cơ sở xem xét, định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; trong đó tập trung vào ngành có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường như nhiệt điện, sản xuất thép,...

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác kiểm soát môi trường đối với các dự án đầu tư còn một số tồn tại, hạn chế sau đây:

- Trước khi dự án đầu tư được phê duyệt chủ trương đầu tư, một yêu cầu quan trọng là các nhà đầu tư phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động sơ bộ tác động môi trường, trong đó cũng nêu rõ các giải pháp bảo vệ môi trường khi dự án vận hành, tuy nhiên, các hồ sơ này do nhà đầu tư lập dựa trên thông tin cơ sở của

dự án mà dự án chưa triển khai nên sẽ có rất nhiều khác biệt giữa việc kiểm định, đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn này và giai đoạn triển khai trên thực tế. Cơ quan cấp phép sẽ rất khó khăn để đảm bảo rằng việc triển khai dự án sẽ giống với những gì mà nhà đầu tư nêu ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xin chủ trương đầu tư thời điểm ban đầu.

- Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc rà soát, giải quyết các vướng mắc trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đầu tư, đặc biệt liên quan đến vấn đề đánh giá tác động môi trường tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường, tuy nhiên, do các văn bản quy phạm pháp luật cần có thời gian để xây dựng, sửa đổi, thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, do đó, việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về vấn đề này chưa giải quyết được triệt để.

c) Giải pháp

Thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, ngành và địa phương triển khai một số giải pháp sau:

- Xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường liên quan đến nội dung về đánh giá tác động môi trường.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá toàn diện các dự án đầu tư đã được cấp phép xả thải và theo dõi thực hiện các báo cáo đánh giá tác động môi trường giai đoạn hậu kiểm khi dự án đi vào vận hành.

5. Về giám sát các tác nhân gây ô nhiễm môi trường của Dự án Formosa Hà Tĩnh

a) Giám sát chặt chẽ việc khắc phục các tồn tại, vi phạm về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh

Ngay sau khi FHS nhận trách nhiệm gây sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh miền Trung của Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, các cơ quan, chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước giám sát, đôn đốc và yêu cầu FHS khẩn trương khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định. Từ ngày 22/7/2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Tổ giám sát liên ngành để kiểm tra, giám sát nghiêm ngặt, chặt chẽ việc thực hiện khắc phục sự cố môi trường của FHS theo cam kết với Chính phủ Việt Nam; lộ trình giám sát nghiêm ngặt được thực hiện trong 03 năm (đến hết năm 2019) theo Kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, đảm bảo tất cả các loại chất thải của FHS trước khi thải ra môi trường phải được quản lý, kiểm soát, xử lý triệt để, đạt quy chuẩn môi trường Việt Nam và tiêu chuẩn môi trường của các nước tiên tiến trên thế giới.

Đến nay FHS đã khắc phục các vi phạm và cam kết về khắc phục sự cố môi trường. FHS phối hợp với các cơ quan khoa học kỹ thuật, các chuyên gia về môi trường trong nước và quốc tế thực hiện kế hoạch cải thiện, bổ sung công

trình xử lý chất thải với tổng kinh phí 343,921 triệu USD. Hiện nay các hạng mục công trình xử lý chất thải bổ sung đã hoàn thành, đã lắp đặt các thiết bị quan trắc tự động liên tục, camera theo dõi, giám sát truyền trực tiếp số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh, Tổng cục Môi trường để kiểm tra, giám sát; hoàn thành hệ thống hồ xử lý sự cố kết hợp hồ sinh học.

Trong đợt kiểm tra, giám sát đầu tháng 4 năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành lấy mẫu và phân tích 10 mẫu nước bề mặt và 10 mẫu trầm tích biển xung quanh khu vực xả thải của FHS trong thời gian từ 01-04/4/2018, kết quả cho thấy hầu hết giá trị các thông số đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của các Quy chuẩn Việt Nam số 10-MT:2015/BTNMT và số 43:2012/BTNMT. Chỉ duy nhất có 01 mẫu nước biển tại khu vực gần đảo Sơn Dương có giá trị thông số Amoni ($N-NH_4^+$) và thông số F vượt nhẹ giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam số 10-MT:2015/BTNMT tương ứng là 1,2 và 1,1 lần.

Các công trình bảo vệ môi trường của FHS đã được hoàn thành theo cam kết và đáp ứng đúng các yêu cầu kỹ thuật. Chất lượng môi trường xung quanh đảm bảo quy chuẩn quy định, không có sự thay đổi chất lượng môi trường trước, sau khi vận hành nhà máy. Công tác quản lý chất thải tuân thủ đúng theo các quy định của Chính phủ Việt Nam. Đến nay, các lỗi sai phạm hành chính đã cơ bản được FHS khắc phục; đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó Hệ thống tràn dầu, được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với một số hạng mục đã vận hành ổn định cùng Lò cao số 1 theo đúng quy định.

Đối với việc thay đổi phương pháp làm nguội than cốc từ ướt sang khô, FHS đã hoàn thành đánh giá kỹ thuật và lựa chọn công nghệ làm nguội cốc khô (Coke Dry Quenching - CDQ) của Công ty Nippon Steel (Nhật Bản), tính đến ngày 10/01/2018 đã hoàn thành 31,6% công việc. Dự kiến đến tháng 3/2019 FHS sẽ hoàn thành hệ thống CDQ số 1 và tháng 6/2019 sẽ hoàn thành hệ thống CDQ số 2 theo lộ trình cam kết với Chính phủ Việt Nam. Trong thời gian chờ chuyển đổi sang dập cốc khô, FHS đã hoàn thành 02 Trạm xử lý nước tuần hoàn dập cốc (công suất 12.000 m³/ngày/trạm), đảm bảo xử lý nước dập cốc đạt quy chuẩn Việt Nam quy định trước khi tái tuần hoàn.

Trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với tỉnh Hà Tĩnh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các cơ quan liên quan định kỳ, thường xuyên, liên tục giám sát FHS trong quá trình hoạt động, đảm bảo các nguồn chất thải được quản lý, xử lý đạt QCVN trước khi xả ra ngoài môi trường.

b) Triển khai hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung và thực hiện công tác bồi thường, sớm ổn định sản xuất và đời sống người dân

Về việc triển khai hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung, sau sự cố môi trường biển miền Trung, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1307/QĐ-TTg ngày 03/9/2017 phê duyệt dự án xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường 04 tỉnh miền Trung gồm Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế đảm bảo hiện đại, đồng bộ nhằm cung cấp thông

tin, số liệu, tư liệu về hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường biển miền Trung (không khí xung quanh, nước biển và trầm tích); cảnh báo kịp thời khi chất lượng môi trường biển miền Trung có dấu hiệu bị ô nhiễm. Dự án gồm 05 hợp phần, trong đó có 04 hợp phần tăng cường năng lực hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển tại 04 tỉnh nêu trên và do các tỉnh chủ trì thực hiện, riêng hợp phần 5 giám sát, cảnh báo môi trường tại ven biển 04 tỉnh miền Trung thông qua hệ thống quan trắc tự động, công nghệ viễn thám và kết hợp chương trình quan trắc định kỳ là do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, thực hiện. Triển khai thực hiện dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng chương trình quan trắc chất lượng môi trường biển tại 4 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế trong 2 năm 2018-2019 nhằm theo dõi, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước biển và trầm tích nước lợ tại khu vực này. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ đầu tư, xây dựng thêm một số trạm quan trắc nước biển và không khí tự động, liên tục tại 4 tỉnh nêu trên. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 2677/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2017. Đến nay, các hợp phần của dự án đã được phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; các cơ quan được giao chủ trì thực hiện đang khẩn trương thực hiện khảo sát mặt bằng tại các vị trí dự kiến lắp đặt các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục cũng như chuẩn bị đầu tư trang thiết bị, tăng cường năng lực quan trắc tại 04 tỉnh miền Trung để bảo đảm hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2019.

Về việc thực hiện công tác bồi thường, sớm ổn định sản xuất và đời sống người dân, thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính triển khai công tác bồi thường, ổn định đời sống của người dân 4 tỉnh miền Trung, đến nay công tác này đã hoàn thành. Tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị Tổng kết hoạt động của Ban Chỉ đạo về các giải pháp để ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh cho nhân dân 4 tỉnh miền Trung sau sự cố môi trường biển.

6. Về ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về khí tượng thủy văn; tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai

a) Kết quả đạt được

- Về ban hành văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu

Thi hành Luật Khí tượng thủy văn năm 2015, đến nay, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Khí tượng Thủy văn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trước đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 quy định chi tiết về cấp độ

rủi ro thiên tai và Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 quy định về dự báo, cảnh báo truyền tin thiên tai. Trong giai đoạn 2016-2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 21 thông tư quy định các hoạt động trong lĩnh vực khí tượng thủy văn. Trong năm 2018, theo kế hoạch, dự kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục xem xét, ban hành 03 Thông tư quy định kỹ thuật, định mức kinh tế-kỹ thuật hướng dẫn các hoạt động khí tượng thủy văn của quốc gia, đặc biệt là tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hoạt động khí tượng thủy văn chuyên dùng của các tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, tiếp tục rà soát, ban hành trên 20 văn bản quy trình, quy định kỹ thuật chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động quản lý mạng lưới trạm, dự báo cảnh báo và truyền tin khí tượng thủy văn; các văn bản này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức trong hệ thống khí tượng thủy văn quốc gia, bên cạnh đó làm cơ sở tham chiếu vận dụng cho các hoạt động khí tượng thủy văn chuyên dùng của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân. Như vậy, tính đến nay, sau gần 02 năm Luật Khí tượng thủy văn có hiệu lực thi hành, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn đã được xây dựng và ban hành cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn.

Đối với lĩnh vực biến đổi khí hậu, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Nghị định về phương thức và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình¹⁷ Chính phủ dự thảo Nghị định quy định lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để Chính phủ xem xét, ban hành. Ngoài ra, trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 03/2018/TT-BTNMT ngày 14/8/2018 sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính liên quan đến kiểm tra chuyên ngành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó, bãi bỏ một số nội dung của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập-tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

- Về tăng cường công tác thông tin, truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu

Thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng các Bộ, ngành khác và địa phương tăng cường công tác truyền thông, phổ biến kiến thức pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, nhiều hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cho các cán bộ, cộng đồng và người dân được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, cụ thể: xây dựng các video clip truyền hình, các chương trình phát thanh để truyền thông, phổ biến kiến thức, nội dung các văn bản, chính sách về biến đổi khí hậu; tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về biến đổi khí hậu; xây dựng giáo trình biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh phục vụ công tác đào tạo, tập huấn cán bộ; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân tại một số địa phương về ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng

¹⁷ Tờ trình số 43/TTr-BTNMT ngày 29/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

mô hình thí điểm về thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân tại một số địa phương... Thông qua Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (giai đoạn 2016-2020) đã được phê duyệt, sẽ tiếp tục tăng cường thực hiện nhiệm vụ nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho các đối tượng liên quan, cộng đồng qua báo đài, truyền hình, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức và kỹ năng nhằm nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; cơ hội của biến đổi khí hậu; Thỏa thuận Paris, cơ hội và thách thức của Việt Nam cũng như các nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất, tạo đà tiếp tục thu hút nguồn lực đầu tư từ cộng đồng quốc tế trong giai đoạn tới.

Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến về cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia ký kết Thỏa thuận Paris trong năm 2016, trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức các Hội nghị tập huấn triển khai xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu và cập nhật các thông tin về biến đổi khí hậu tại 03 miền Bắc, Trung, Nam với hơn 500 đại biểu tham dự; đã tổ chức hội nghị khởi động xây dựng Kế hoạch hợp tác thực hiện Thỏa thuận Paris với các đối tác phát triển và các Bộ, ngành; tổ chức các hội thảo tham vấn rộng rãi, các phiên họp kỹ thuật với các bên liên quan; tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền về triển khai Thỏa thuận Paris, Công ước khí hậu qua các hội nghị, hội thảo, tọa đàm tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Sơn La, Hải Phòng, Lâm Đồng. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã tích cực phối hợp với các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển như Liên minh châu Âu (EU), Thường trú Liên hợp quốc tại Việt Nam (UN), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Cơ quan hợp tác phát triển Đức (GIZ), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Thế giới (WB),... tổ chức các diễn đàn đối thoại chính sách, tọa đàm về biến đổi khí hậu và những nỗ lực của Việt Nam trong việc triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris và tham gia nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Ngoài ra, đã xây dựng Thông báo quốc gia (TNC) của Việt Nam cho Ban thư ký Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu, Báo cáo cập nhật hai năm một lần của Việt Nam cho Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, không chỉ góp phần giúp Việt Nam đáp ứng đầy đủ các cam kết của mình với quốc tế mà còn là nguồn tài liệu hữu ích cho các nhà quản lý trong công tác hoạch định chính sách, đồng thời các tài liệu này cũng là tài liệu quan trọng, chính thống và hữu ích cho việc truyền thông cho các đối tượng quan tâm những thông tin cập nhật về hiện trạng ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Hiện nay, Thông báo quốc gia lần thứ ba (TNC) đang được xây dựng, hoàn thành vào cuối năm 2018. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã và đang biên soạn và xuất bản các Bản tin bảo vệ tầng ô-dôn với 04 số mỗi năm và các Bản tin hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu với 02 số mỗi năm để phục vụ công tác tuyên truyền. Các tài liệu này cung cấp một số thông tin cập nhật về các hoạt động ứng phó với Biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn tại Việt Nam. Các hoạt động tăng cường nhận thức cho các cơ quan quản lý nhà nước, các ngành công nghiệp, các bên liên quan về bảo vệ tầng ô-dôn và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn đã được thực hiện và triển khai rộng rãi.

- Về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai

+ Trong những năm gần đây, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai đã ngày càng tốt hơn, kịp thời hơn, độ tin cậy trong các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai ngày càng được nâng cao hơn. Đặc biệt, việc dự báo, cảnh báo áp thấp nhiệt đới, bão, mưa, lũ lớn vốn là những loại hình thời tiết rất nguy hiểm, tác động và gây thiệt hại trên diện rộng, góp phần giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

+ Về dự báo, cảnh báo bão: Từ năm 2018 đã tăng thời hạn dự báo, cảnh báo bão sớm từ 3 ngày lên đến 5 ngày; thông tin dự báo sớm về bão đã góp phần chủ động trong công tác phòng chống trên biển. Độ tin cậy (hoặc sai số dự báo) trong bản tin dự báo bão (vị trí và cường độ bão) của Việt Nam đã dần tiệm cận với trình độ dự báo của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Hiện nay trên thế giới cũng đã thực hiện dự báo, cảnh báo bão trước 5 ngày, tuy nhiên độ tin cậy cao chỉ thường xuyên ở bản tin dự báo trước từ 1 - 3 ngày.

+ Dự báo, cảnh báo mưa lớn: Trước 2-3 ngày với độ tin cậy khoảng 75%, tuy nhiên, đối với mưa lớn cục bộ hoặc mưa lớn trong cơn dông mới chỉ cảnh báo trước được trong khoảng thời gian ngắn do hạn chế về khoa học dự báo mưa đối với vùng nhiệt đới và hạn chế về mật độ mạng lưới đo mưa.

+ Dự báo, cảnh báo lũ: Trên các sông khu vực miền Trung, Tây Nguyên trước 1-2 ngày và ở khu vực Bắc Bộ trước 3-5 ngày với độ tin cậy 70-80%. Tỷ lệ này tương đương với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Philipin, Indonexia...

+ Dự báo, cảnh báo các đợt nắng nóng diện rộng: Trước từ 2-3 ngày có độ tin cậy 70%, thời điểm kết thúc các đợt nắng nóng diện rộng có độ tin cậy từ 80-90%.

+ Đã thực hiện được dự báo thời tiết chi tiết cho từng địa điểm thời hạn đến 10 ngày (Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia thực hiện cho 63 điểm đại diện cho đơn vị cấp tỉnh; các Đài Khí tượng Thủy văn khu vực và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thực hiện cho các điểm đại diện cho đơn vị cấp huyện).

+ Việc cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai đã được thực hiện theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và đã xác định phù hợp đến từng địa phương, phục vụ hiệu quả công tác phòng chống thiên tai.

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, việc triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu còn một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân sau:

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực khí tượng thủy văn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên một số mặt công tác, lĩnh vực chuyên sâu thiếu quy định điều chỉnh; một số quy định đã ban hành nhưng khi triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, ví dụ: việc cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai trong các bản tin cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn; việc thực hiện quy định cung cấp thông tin hồ chứa phục vụ dự báo khí tượng thủy văn chưa được chủ các công trình hồ thực hiện nghiêm túc, quy định cấp báo động lũ còn bất cập. Biến đổi khí hậu tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực, liên quan đến nhiều lĩnh vực khác như nông nghiệp, lâm

nghiệp, giao thông vận tải, năng lượng, công thương... do đó, các văn bản liên quan đến nội dung về biến đổi khí hậu nằm rải rác tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, tuy nhiên, nội dung điều chỉnh về biến đổi khí hậu không nhiều và không rõ ràng, cụ thể. Hầu hết các văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu được nội luật hoá từ các điều ước quốc tế, lần đầu tiên được quy định tại Việt Nam, do đó, dẫn đến số lượng văn bản điều chỉnh văn bản này còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra trong lĩnh vực này tại Việt Nam.

- Một số loại hình thiên tai như dông, lốc, sét, mưa đá... chỉ có thể đưa ra cảnh báo khả năng xuất hiện trên vùng rộng. Việc cảnh báo chi tiết cho các khu vực cũng chỉ thực hiện được ở khu vực có số liệu quan trắc của ra đa thời tiết trước từ 30 phút đến 01 giờ.

- Dự báo một số loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở đất chưa đáp ứng được yêu cầu do các hạn chế về khoa học, công nghệ, thiếu số liệu thông tin nền về điều kiện sinh lũ quét và sạt lở đất như địa hình, cấu trúc địa chất, lớp vỏ phong hóa, đặc điểm thảm phủ, độ ẩm, mức độ bão hòa, ngưỡng mưa sinh lũ quét và sạt lở đất, các hoạt động kinh tế - xã hội, dân sinh như giao thông, khai thác mỏ, xây dựng, phân bố dân cư và do tính phức tạp, bất ngờ, ngắn hạn của lũ quét, sạt lở đất nên việc cảnh báo, phòng chống các hiện tượng thiên tai khí tượng thủy văn nguy hiểm này còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc dự báo thiên tai đã có tiến bộ về mặt định tính (khu vực, thời gian, hướng di chuyển, ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai). Tuy nhiên dự báo định lượng như cường độ bão, cường độ mưa lớn, định lượng mưa... vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đối với các trường hợp mưa lớn kỷ lục, cục bộ và ở những nơi ít thông tin quan trắc như vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên.

- Dự báo lũ, ngập lụt đặc biệt là đối với các sông ngắn, dốc ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên với thời gian tập trung nước nhanh, các sông có nhiều hồ chứa thủy lợi, thủy điện còn gặp nhiều khó khăn. Công nghệ dự báo cực ngắn chưa được đầu tư xây dựng thoả đáng.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân sau:

- Mạng lưới quan trắc phục vụ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn còn quá thưa, chưa thực hiện quan trắc và truyền số liệu tự động đồng bộ nên chưa đáp ứng được yêu cầu số liệu đầu vào của các mô hình dự báo.

- Hạn chế về công nghệ của cả hệ thống quan trắc, hệ thống thông tin và xử lý số liệu, phân tích dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. Các thông tin, số liệu về vận hành hồ chứa chưa được đồng bộ hoá cùng hệ thống số liệu khí tượng thủy văn.

- Biến đổi khí hậu toàn cầu làm các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng và trái quy luật cũng đặt ra nhiều khó khăn, thách thức mới cho công tác dự báo khí tượng thủy văn.

- Giới hạn khả năng của khoa học công nghệ dự báo trên thế giới và trong nước hiện nay chưa cho phép dự báo chi tiết, chính xác, định lượng một số loại hình thiên tai.

- Các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển đa dạng với nhiều ngành nghề, phạm vi ngày càng mở rộng cả ở các vùng núi, biển và hải đảo xa, trong đó, nhiều vùng có nguy cơ thiên tai khí tượng thủy văn cao. Dự báo khí tượng thủy văn biển còn gặp nhiều khó khăn, sai số lớn trong khi yêu cầu dự báo cho các khu vực trên biển ngày càng cao về độ tin cậy, mức chi tiết, thời gian dự báo sớm,...

c) Giải pháp

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ mà Quốc hội giao, thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn đặc biệt là số lượng điểm đo mưa lên mật độ từ 40-120km²/điểm (trước mắt cần đạt mật độ trung bình khoảng 80km²/điểm) để tăng cường giám sát mưa lũ theo thời hạn cực ngắn. Kết hợp các nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực này.

- Đồng bộ hoá hệ thống thông tin dữ liệu từ việc thu nhận, xử lý, lưu trữ đến việc truyền tin giữa các loại số liệu đo đạc tự động (các yếu tố khí tượng, thủy văn, số liệu vận hành hồ chứa khác) với số liệu vệ tinh, ra đa thời tiết và các thông tin dữ liệu cảnh báo, dự báo; đặc biệt chú trọng vào việc ứng dụng ước lượng mưa lớn từ ra đa, vệ tinh phân giải cao, mạng lưới quan trắc mưa tự động để cảnh báo chi tiết mưa lớn, lũ quét và sạt lở đất đến từng khu vực nhỏ, cấp huyện và nhỏ hơn.

- Đẩy mạnh việc dự báo, cảnh báo sớm khí tượng thủy văn. Nâng thời hạn dự báo, cảnh báo sớm bão đến 5 ngày, áp thấp nhiệt đới đến 3 ngày và cảnh báo mưa lớn, lũ lớn trước 1-2 ngày. Tăng tần suất bản tin, đa dạng và chi tiết thông tin dự báo. Trong đó, chú trọng về việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm đa thiên tai. Tăng cường dự báo phục vụ nâng cao năng lực ứng phó với bão mạnh, siêu bão.

- Đầu tư nguồn lực, công nghệ hiện đại để thực hiện dự báo mưa định lượng và cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt đô thị, ngập lụt vùng hạ lưu sông, các hồ chứa; các hiện tượng thiên tai khí tượng thủy văn xảy ra trên quy mô nhỏ dựa trên các kỹ thuật hiện đại như thông tin vệ tinh, ra đa thời tiết, các mô hình dự báo số trị độ phân giải cao. Thiết lập các hệ thống tự động cảnh báo lũ quét, sạt lở đất ở các vùng có nguy cơ cao, kết hợp với việc xây dựng và tăng cường các kênh truyền thông mới (phát thanh, truyền hình, mạng xã hội...) nhằm nâng cao ý thức, tập huấn cho cộng đồng dân cư khu vực có nguy cơ cao. Cập nhật các bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất tỷ lệ 1/10.000 để phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh có nguy cơ cao. Xác định, khoanh vùng nơi có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất cao, nơi có nguy cơ cao rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất do tập trung dân cư và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức khuyến cáo địa phương về vùng có nguy cơ sạt lở đất và cung cấp thông tin vùng an toàn để địa phương di dời dân cư.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cấp, các ngành. Trong đó, chú trọng sự phối hợp từ trung ương tới địa

phương trong kết hợp giữa dự báo, cảnh báo với công tác phòng chống thiên tai, đặc biệt là lũ quét, sạt lở đất; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương liên quan trong việc thống kê, thu thập thông tin nền nhằm tăng cường số liệu đầu vào cho công tác dự báo, cảnh báo thiên tai.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ, công tác hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin khí tượng thủy văn với các nước trong khu vực, trên thế giới để tận dụng được mọi nguồn lực về công nghệ, con người cũng như dữ liệu cho bài toán dự báo, cảnh báo thiên tai.

Tăng cường đào tạo đội ngũ dự báo viên theo hướng tiếp cận khoa học tiên tiến và nâng cao kỹ năng khai thác công nghệ mới trong dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

7. Về triển khai kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH13 ngày 05/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Kế hoạch Châu thổ đồng bằng sông Cửu Long (MDP) và Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và công tác ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Kết quả đạt được

- Về việc thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu

Thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, theo đó, đã xác định 68 nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến 2030 để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện, trong đó, giai đoạn từ nay đến năm 2020 tập trung chủ yếu vào hoàn thiện thể chế, chính sách để Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết do Thỏa thuận Paris quy định đối với Việt Nam.

Đến nay, có 45/63 địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương. Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng Nghị định quy định lộ trình và phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đã trình Chính phủ xem xét ban hành; Kế hoạch quốc gia về thích ứng biến đổi khí hậu (NAP) giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050; rà soát, cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) và xây dựng Thông báo quốc gia lần thứ 3 của Việt Nam về biến đổi khí hậu đang được thực hiện đúng tiến độ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH13 ngày 05/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao tại Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH13, Chính phủ đã hoàn thiện nội dung và trình Quốc hội ban hành Luật Khí tượng thủy văn. Về tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách và các nguồn lực khác cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu một cách hiệu quả, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát và ban hành báo cáo rà soát chỉ tiêu công cho biến đổi

khí hậu. Bộ đã chủ trì, phối hợp các Bộ liên quan tiến hành kiểm tra, đánh giá các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM). Chủ động phối hợp với các cơ quan và địa phương có liên quan tổ chức Hội nghị về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP. Hiện nay, Bộ đang xây dựng hệ thống giám sát đánh giá báo cáo cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, cấp tỉnh nhằm triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Triển khai Kế hoạch Châu thổ đồng bằng sông Cửu Long

Để đẩy mạnh công tác điều tra tài nguyên nước mặt, nước ngầm, tập trung tìm kiếm nguồn nước sinh hoạt phục vụ chống hạn trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành địa phương triển khai nhiều dự án, đề án và nhiệm vụ, như: Đề án “Điều tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng nước dưới đất, tác động đến sụt lún bề mặt đất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”; hoàn thành nghiên cứu tác động của các dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Công; xây dựng Kế hoạch chiến lược của Ủy hội sông Mê Công giai đoạn 2016-2020, Chiến lược phát triển hạ lưu vực sông Mê Công dựa trên quản lý tổng hợp tài nguyên nước; triển khai MDP nhằm xây dựng Đồng bằng sông Cửu Long bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo sinh kế bền vững; tổ chức phiên họp Ủy ban liên Chính phủ phân ban Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước; triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác với Ủy ban sông Mê Công các quốc gia thành viên của Ủy hội sông Mê Công quốc tế.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu

Ngày 17/11/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó, xác định rõ mục tiêu, chương trình, định hướng phát triển đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2050, quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ:

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, kết nối với cơ sở dữ liệu của ủy hội sông Mê Công quốc tế; nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo về tài nguyên và môi trường; cập nhật, hoàn thiện và công bố định kỳ Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam đến năm 2100.

+ Triển khai có hiệu quả và thực chất các quan hệ đối tác chiến lược và thỏa thuận liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược về biến đổi khí hậu với Hà Lan; nghiên cứu, đề xuất việc xây dựng các khuôn khổ hợp tác mới với các nước và các đối tác quốc tế trong lĩnh vực biến

đổi khí hậu và tài nguyên nước nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ, đầu tư của các đối tác quốc tế;

+ Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư hiện có để xây dựng hệ thống công điều tiết lũ, ngăn mặn, khắc phục các đoạn sạt lở nghiêm trọng, trực tiếp gây ảnh hưởng đến nhà cửa của nhân dân và bảo vệ đất, rừng ngập mặn ven biển; xem xét, thành lập Quỹ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm an ninh tài nguyên nước và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm huy động tối đa các nguồn lực, đặc biệt là vốn ngoài ngân sách;

+ Rà soát quy hoạch thủy lợi phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với bối cảnh mới, đảm bảo giảm nhẹ thiệt hại khi có thiên tai, chủ động ứng phó với kịch bản bất lợi nhất; xây dựng đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái theo hướng đa dạng hóa nguồn lực và phương thức thực hiện, trong đó chú ý đẩy mạnh hình thức đối tác công - tư.

+ Xây dựng Đề án bảo vệ bờ biển, củng cố nâng cấp hệ thống đê biển, phòng chống xói lở bờ biển; tập trung đầu tư xử lý ngay những đoạn xói lở, sạt lở bờ sông, bờ biển nghiêm trọng. Xây dựng quy hoạch chính trị sông gắn với quy hoạch sử dụng đất ven sông theo hướng dành không gian thoát lũ, xây dựng công trình giao thông kết hợp với đê điều. Bố trí, sắp xếp lại dân cư ven sông, kênh, rạch kết hợp xây dựng nông thôn mới.

+ Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân nhận thức đầy đủ, chính xác các thách thức đang đặt ra đối với đồng bằng sông Cửu Long và từng địa phương trong vùng; chủ động trong thích ứng với biến đổi khí hậu và các tác động khác từ thượng nguồn, kêu gọi huy động nguồn lực nhằm bảo vệ, phục hồi và trồng mới rừng, nhất là hệ thống rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển, ven sông.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng trình Chính phủ ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP, trong đó, đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, dự án cấp bách “không hối tiếc” trong giai đoạn trước mắt và đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 để đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các giải pháp được đề xuất căn cơ, trên cơ sở thích nghi với tự nhiên, các tiểu vùng sinh thái và dựa vào nền tảng đất - nước - con người của đồng bằng sông Cửu Long.

- Về kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng cơ chế phối hợp

Ngày 04/04/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, theo đó, giao Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu được tách thành một lĩnh vực riêng, Cục Biến đổi khí hậu trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được kiện toàn trên cơ sở Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2017/NĐ-CP, Bộ Tài nguyên và Môi

trường đã ban hành Quyết định số 1266/QĐ-BTNMT ngày 25/5/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Biến đổi khí hậu, đồng thời chỉ đạo kiện toàn bộ máy, tổ chức, bố trí, sắp xếp lại nhân sự trong các đơn vị để phù hợp với nhiệm vụ mới, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, đồng thời tiếp tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu để phù hợp với tình hình thực tế trong việc thực hiện nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng nhiều và phức tạp. Tại địa phương, tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ này cũng dần được ổn định, hiện nay đã có 41/63 Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có phòng chuyên môn về lĩnh vực biến đổi khí hậu, một số tỉnh, thành phố thành lập Văn phòng Ứng phó biến đổi khí hậu.

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế tài chính đối với các khoản vay, viện trợ nước ngoài trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) áp dụng cho việc quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động được cho Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (giai đoạn 2010-2015), hiện nay đang tiếp tục phối hợp đề xuất xây dựng cơ chế tài chính mới áp dụng.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Về cơ chế, chính sách, pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về biến đổi khí hậu còn thiếu, chưa đồng bộ, chủ yếu các quy định pháp luật được quy định tại các luật chuyên ngành khác có liên quan; các quy định của các Bộ, ngành trong khi ứng phó với biến đổi khí hậu đang là vấn đề quan trọng, cấp bách, có tính liên ngành, liên vùng.

- Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực: công tác quản lý, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về biến đổi khí hậu ở địa phương còn mỏng; chưa hình thành được hệ thống đồng bộ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực biến đổi khí hậu từ Trung ương đến địa phương. Hiện nay ở nước ta mới trong giai đoạn đầu đào tạo các chuyên ngành về ứng phó với biến đổi khí hậu nên nguồn nhân lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu còn thiếu.

- Về nguồn lực tài chính: nguồn vốn ngân sách nhà nước cho biến đổi khí hậu còn rất hạn chế so với yêu cầu thực tế đặt ra, chủ yếu chỉ để xây dựng cơ chế, chính sách và thực hiện một số nghiên cứu cơ bản, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu. Nguồn vốn ODA từ các đối tác phát triển cho biến đổi khí hậu đã huy động trong thời gian qua chủ yếu hòa chung vào ngân sách nhà nước, chưa có mục chi riêng cho nội dung này. Các địa phương chưa dành nhiều sự đầu tư cả về kinh phí và nhân lực cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu trong tổng thể đầu tư cho phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

c) Giải pháp

Thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, ngành và địa phương triển khai một số giải pháp sau:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về biến đổi khí hậu, trong đó tập trung vào cơ chế chính sách về huy động nguồn lực quốc tế, nguồn

lực trong nước cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu (ví dụ như xây dựng các quỹ đa phương; xây dựng cơ chế đối tác công tư trong xây dựng công trình thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu đãi đầu tư với các dự án có nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu; hạn chế các công trình, dự án có tính chất làm gia tăng biến đổi khí hậu như các công trình phát thải nhiều khí nhà kính, công trình phải chuyển đổi số lượng lớn rừng đầu nguồn hoặc rừng ngập mặn...).

- Đề xuất tăng tỷ trọng đầu tư cho biến đổi khí hậu: trong thời gian vừa qua các tổ chức quốc tế đã hỗ trợ Việt Nam các khoản ODA để ứng phó với biến đổi khí hậu, tuy nhiên, kinh phí được hòa chung vào ngân sách nhà nước để cân đối cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu và các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội khác. Do vậy, cần nâng tỷ trọng sử dụng nguồn vốn ODA cho biến đổi khí hậu để một mặt tiếp tục thu hút thêm các nguồn vay ưu đãi cho biến đổi khí hậu, mặt khác hỗ trợ hiệu quả các địa phương xây dựng công trình ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển sản xuất.

- Tăng cường vai trò, vị thế các diễn đàn đa phương về biến đổi khí hậu, chủ động hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm thu hút nguồn lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực công nghệ cao và thúc đẩy khởi nghiệp trong lĩnh vực biến đổi khí hậu để vừa có thể ứng phó hiệu quả với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, vừa tận dụng các thời cơ do biến đổi khí hậu mang lại để xây dựng một nền kinh tế các-bon thấp, phát triển bền vững.

- Triển khai có hiệu quả và thực chất các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu như: Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường; các dự án ODA về biến đổi khí hậu như: Dự án hỗ trợ quản lý loại trừ các chất HCFC tại Việt Nam; dự án chuẩn bị sẵn sàng cho xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam; dự án tăng cường năng lực thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu...

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, Kế hoạch Châu thổ đồng bằng sông Cửu Long và Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

8. Về điều chỉnh quy hoạch khoáng sản, quản lý hoạt động cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, khai thác cát, sỏi lòng sông

a) Kết quả đạt được

- Về công tác phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khoáng sản

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành có liên quan thực hiện công tác phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khoáng sản, tính đến thời điểm hiện nay, kết quả thực hiện như sau:

+ Các Bộ: Công Thương, Xây dựng đã rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung 08 quy hoạch khoáng sản, gồm: (1) quy hoạch quặng sắt; (2) quy hoạch quặng titan; (3) quy hoạch quặng chì kẽm; (4)

quy hoạch quặng apatit; (5) quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng; (6) quy hoạch phát triển ngành than; (7) quy hoạch khai thác, chế biến quặng boxit; (8) quy hoạch quặng thiếc-volfram-antimon.

+ Bộ Công Thương đã phê duyệt 02 quy hoạch gồm: (1) quy hoạch khoáng chất mica, pyrite, quartzit, cericit, silimanit; (2) quy hoạch than bùn. Hiện nay, Bộ Công Thương đã rà soát, bổ sung và dự thảo mới 04 quy hoạch gồm: (1) quy hoạch quặng vàng - đồng - molybden; (2) quy hoạch thiếc - volfram - antimon; (3) quy hoạch monazit - caolan - felpat - đá hoa; (4) quy hoạch nước khoáng và nước nóng thiên nhiên.

+ Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; đang xây dựng quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng chủ yếu đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Theo chỉ đạo của Thủ tướng tại Văn bản số 4098/VPCP-CN ngày 05/5/2018, các quy hoạch trên sẽ được tổng hợp chung trong một quy hoạch: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng”.

Đối với quy hoạch khoáng sản của các địa phương, đến nay, 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang tiến hành xây dựng quy hoạch (bổ sung), gồm: Yên Bái, Sơn La, Hòa Bình, Hà Giang, Lạng Sơn, Hưng Yên, Quảng Ninh, Quảng Bình, Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiên Giang. Các quy hoạch của tỉnh chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, khoáng sản tại các khu vực đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

- Về công tác xây dựng cơ sở dữ liệu các khu vực đã cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trên phạm vi toàn quốc: đã xây dựng cơ sở dữ liệu và hoàn thành việc cài đặt dữ liệu của gần 500 giấy phép khai thác khoáng sản, 60 giấy phép thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong thời gian tới, tiếp tục lập kế hoạch hoàn thiện việc cập nhật cơ sở dữ liệu, triển khai đến các địa phương, đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động sau cấp phép.

- Đối với việc chấn chỉnh công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

Đã rà soát quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục hành chính trong cấp phép hoạt động khoáng sản và đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng rõ ràng, minh bạch từ khâu tiếp nhận, đơn giản hóa thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho hộ kinh doanh; cấp phép khai thác khoáng sản trong diện tích xây dựng công trình; làm rõ quy trình và trách nhiệm trong các khâu thẩm định hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ trực tuyến.. vào Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016

của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản (thay thế Nghị định số 12/2012/NĐ-CP); xây dựng và chính thức đưa vào hoạt động hình thức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 từ tháng 6 năm 2017; đơn giản hóa nội dung các biểu mẫu báo cáo hoạt động khoáng sản; đơn giản hóa và liên thông thủ tục trong khâu kiểm tra, xác nhận cải tạo phục hồi môi trường với công tác phê duyệt, nghiệm thu Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đã rà soát để ban hành quy chế nội bộ về tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản theo hướng làm rõ nội dung, thời gian thẩm định, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức khi tham gia quá trình thẩm định. Trên cơ sở đó, công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp giấy phép hoạt động khoáng sản được thực hiện đúng quy trình, tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các đơn vị liên quan nhằm bảo đảm chặt chẽ, nhờ đó các hồ sơ đủ điều kiện cấp phép theo quy định đều được giải quyết đúng thời hạn quy định, không để tồn đọng.

- Đối với việc hạn chế hoạt động khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ và ngăn chặn triệt để khai thác khoáng sản trái pháp luật

+ Đã có văn bản chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, chấn chỉnh công tác cấp phép thăm dò, khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có việc không cấp phép khai thác theo kiểu nhỏ lẻ, manh mún. Mặt khác, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện chủ trương nêu trên; bổ sung nội dung yêu cầu khi lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản, trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác đối với mỏ khoáng sản rắn (không được nhỏ hơn 50% trữ lượng đã phê duyệt) và đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên (không được nhỏ hơn 35% trữ lượng đã phê duyệt) trong nội dung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

+ Đã rà soát để khoanh định và công bố các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo đúng quy định tại Điều 27 Luật khoáng sản và Điều 21 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP nêu trên (trước kia là Điều 11 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP) theo hướng hạn chế tối đa khai thác theo hình thức này. Theo đó, trên cơ sở kết quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời gian 05 năm (từ năm 2013 đến nay), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khoanh định và công bố tổng cộng 245 khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thuộc 31 tỉnh, thành phố với tổng diện tích khoảng 55,6 km² để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định. Đây là cơ sở pháp lý cho việc cấp phép hoạt động khoáng sản, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về khoáng sản, góp phần đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các dự án chế biến tại các địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng ngân sách nhà nước, góp phần hạn chế hoạt động khai thác trái phép.

Ngoài ra, trong năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, theo đó, bổ sung nhiều chế tài xử phạt, nhất là đối với hành

vi gian lận trong thống kê, kiểm kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; tăng mức xử phạt đối với hành vi khai thác khoáng sản vượt công suất, khai thác ra ngoài phạm vi được phép khai thác dưới 10%, hành vi khai thác cát, sỏi trái phép (tăng đến 2-3 lần)... Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các địa phương thực hiện nhằm ngăn chặn và hạn chế tối đa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- Tăng cường quản lý hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; quản lý, giải quyết tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản, cát, sỏi lòng sông

Trong năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thanh tra chuyên đề quản lý, thăm dò, khai thác đá vật liệu xây dựng thông thường tại 09 tỉnh, gồm: Hà Nam, Ninh Bình, Hòa Bình, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Bình và Đồng Nai với tổng số 123 tổ chức, cá nhân/121 giấy phép và 05 dự án nạo vét, thu hồi cát; kiểm tra định kỳ hoạt động khoáng sản tại 05 tỉnh: Quảng Trị, Đắk Nông, Bến Tre, Long An, Vĩnh Long; kiểm tra hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc. Mặt khác, để tăng cường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng cơ chế kiểm soát sản lượng khai thác khoáng sản thực tế, năm 2017, Bộ đã triển khai việc lập sổ giám sát hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản đối với tất cả doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Kiểm tra hoạt động khoáng sản, môi trường trong khai thác khoáng sản tại 09 tỉnh (Hà Giang, Tuyên Quang, Hải Dương, Quảng Ninh, Quảng Trị, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long, Đắk Nông) với tổng số 98 tổ chức, cá nhân/100 giấy phép.

+ Thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu quản lý tại 11 tỉnh (13 cuộc/13 tổ chức, cá nhân).

Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các hành vi vi phạm như: chưa lập, phê duyệt và nộp thiết kế mỏ; khai thác ngoài diện tích được cấp phép; khai thác không đúng thiết kế được phê duyệt; khai thác vượt công suất; số liệu trong thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản không thống nhất; chưa thực hiện đầy đủ một số nội dung của Báo cáo ĐTM hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường; quan trắc giám sát môi trường định kỳ chưa đúng tần suất; chưa có giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; chưa thực hiện việc lưu giữ, hợp đồng vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định; chưa ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường; chưa có hợp đồng thuê đất để khai thác khoáng sản....

Đồng thời với việc phổ biến tuyên truyền pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, thông báo vi phạm, tồn tại và yêu cầu khắc phục, năm 2017, Bộ đã xử lý vi phạm 65 tổ chức, cá nhân/65 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổng số tiền 5.502 triệu đồng (tính đến hết tháng 02 năm 2018 có 27 tổ chức, cá nhân đã nộp phạt số tiền 1.970 triệu đồng và 03 tổ chức, cá nhân nộp tiền xử phạt vi phạm năm 2015 và 2016 số tiền 1.200 triệu đồng). Ngoài ra còn đề nghị Ủy ban nhân các tỉnh liên quan chỉ đạo các Sở, ban ngành rà soát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đất

đai, tài nguyên nước.... Trên cơ sở đó, đã có 04 địa phương đang xem xét, xử lý (Đà Nẵng, Quảng Trị đã ban hành 04 quyết định xử phạt với tổng số tiền 73,5 triệu đồng; Đồng Nai, Long An đang xem xét).

+ Tiếp tục kiểm tra chuyên đề thăm dò, khai thác nạo vét cát, sỏi lòng sông và các bến bãi tại 07 tỉnh, thành phố, gồm: Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hà Nội, Bình Định, An Giang và Đồng Tháp. Kết thúc kiểm tra (dự kiến hoàn thành trong năm 2018) sẽ làm rõ thực trạng công tác lập quy hoạch, cấp phép thăm dò, phê duyệt trữ lượng; cấp phép khai thác và tình hình chấp hành pháp luật về khoáng sản, pháp luật có liên quan của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông tại các địa phương nêu trên. Qua đó, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp để quản lý chặt chẽ, có hiệu quả đối với loại tài nguyên khoáng sản cát, sỏi lòng sông.

Tại địa phương, theo số liệu tại các báo cáo của 54 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, năm 2017, trên địa bàn đã triển khai 957 cuộc thanh tra, kiểm tra lĩnh vực khoáng sản đối với 957 tổ chức, cá nhân (một số địa phương không báo cáo số liệu cụ thể như Thái Bình, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình...). Kết quả đã phát hiện 2.069 hành vi vi phạm và đã xử lý phạt tiền 64,184 tỷ đồng (nhiều địa phương có số tiền xử phạt lớn như Hà Nội: 8,541 tỷ đồng, TP Hồ Chí Minh: 7,68 tỷ đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu: 5,98 tỷ đồng, Đồng Nai: 5,479 tỷ đồng; các địa phương như Hải Phòng, Bắc Giang, Bến Tre, Nghệ An, Lào Cai, An Giang, Quảng Ninh có tổng số tiền xử phạt từ 2 đến 2,5 tỷ đồng/tỉnh; các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Đà Nẵng, Yên Bái, Tây Ninh, Hưng Yên, Quảng Bình có tổng số tiền xử phạt dưới 2 tỷ đồng/tỉnh). Đồng thời qua thanh tra, kiểm tra còn truy thu, bán đấu giá phương tiện, khoáng sản bị bắt giữ số tiền 965,11 triệu đồng.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh tra 34 cuộc thanh tra, kiểm tra (04 cuộc thanh tra theo kế hoạch, 21 cuộc thanh tra đột xuất và 09 cuộc kiểm tra) về khoáng sản, kết quả xử lý cho thấy: đã ban hành 51 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong đó xử phạt do lỗi phát hiện trong thanh tra, kiểm tra là 26 Quyết định; xử phạt do lỗi không nộp hoặc nộp chậm báo định kỳ hoạt động khoáng sản là 25 Quyết định; tổng số tiền phạt của 51 Quyết định là 7.520 triệu đồng, trong đó, số tiền phạt do lỗi phát hiện trong thanh tra, kiểm tra của 26 Quyết định là 5.880 triệu đồng; số tiền phạt do lỗi không nộp hoặc nộp chậm báo định kỳ hoạt động khoáng sản của 25 Quyết định là 1.640 triệu đồng.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý cát, sỏi lòng sông, trình Chính phủ trong năm 2018. Nội dung dự thảo quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, trong đó trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương khi để xảy ra tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép; quy định chặt chẽ, thống nhất từ giai đoạn lập quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác cho đến công tác quản lý bến bãi,

vận chuyển, mua bán cát, sỏi lòng sông. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang hoàn thiện hồ sơ để trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định. Trong khi Nghị định của Chính phủ chưa ban hành, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, trong năm 2018, các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản, đặc biệt là các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đã nêu tại Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25/7/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Hội nghị trực tuyến về nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, kinh doanh tài nguyên cát, sỏi.

Ngày 18/6/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về công tác phòng, chống thiên tai, trong đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông, ven biển tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai. Đồng thời, chỉ đạo Bộ Công an tập trung xử lý, ngăn chặn tình trạng khai thác cát sỏi và lập bến bãi tập kết trái phép, lấn chiếm lòng sông, bãi sông.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Khoáng sản cát, sỏi lòng sông có đặc thù là dễ khai thác, có thể khai thác cả ngày lẫn đêm, vốn đầu tư không nhiều, nhu cầu thị trường lớn trong khi các biện pháp quản lý chưa hoàn thiện (về quản lý ranh giới mỏ, kiểm soát sản lượng thực tế hàng năm, ngăn chặn hoạt động khai thác trái phép...). Vì vậy, hoạt động khai thác trái phép cát sỏi lòng sông còn diễn ra khá phổ biến, nhất là các địa phương có tiềm năng về tài nguyên cát sỏi như: Đồng Nai, Đồng Tháp, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Hà Nội... Trong quản lý hoạt động nạo vét, khơi thông luồng lạch có thu thồi cát, sỏi theo hình thức “xã hội hóa” chưa có phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Giao thông vận tải với các Bộ, ngành và địa phương liên quan về thông tin dự án, trong thanh tra, kiểm tra xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Lực lượng cán bộ làm công tác quản lý lĩnh vực khoáng sản tại địa phương còn hạn chế về số lượng và chuyên môn; kinh phí, phương tiện, thiết bị cho thanh tra chuyên ngành về khoáng sản còn hạn chế nhất là cấp huyện, cấp xã.

- Nhiều quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt và rà soát, bổ sung nhưng hiện nay thị trường có nhiều biến động, hầu hết các quy hoạch mang tính định hướng, khó khăn khi thực hiện. Do đó, cần tiếp tục rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, khai thác phải gắn dự án chế biến và có chính sách linh hoạt đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và khai thác phải gắn với bảo vệ môi trường.

- Công tác cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã thành công tại một số địa phương chủ yếu là

cát, cuội, sỏi và khoáng sản vật liệu xây dựng khác nhưng chưa được đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai đồng bộ trong cả nước.

- Công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực khoáng sản chủ yếu tập trung vào trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; chưa đi sâu vào những nội dung chuyên ngành như: công tác lập sổ sách, chứng từ để xác định sản lượng khai thác thực tế; công tác lập bản đồ, mặt cắt hiện trạng để xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng còn lại; trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản...

c) Giải pháp

Thời gian tới, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, quản lý về khoáng sản đặc biệt là khai thác cát sỏi lòng sông trái phép; đẩy mạnh tổ chức, giám sát, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm; xử lý trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị buông lỏng quản lý về khoáng sản.

- Rà soát, tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản đặc biệt liên quan đến quản lý cát, sỏi lòng sông; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; cấp phép khai thác khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản...

- Tăng cường nguồn lực quản lý khoáng sản từ Trung ương đến địa phương; tăng cường phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý hoạt động khoáng sản.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá XIV, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH:(Vụ PVHĐGS); HC (5b)
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ: KGVX, KTTH, TKBT, Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, QHĐP (03).NQ 44

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Hồng Hà

